

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
03 THÁNG NĂM 2026**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

(Tên đơn vị) công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 03 tháng như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 3 tháng/năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí					
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1	Chi sự nghiệp....					
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ					
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước					
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước					
I	Nguồn ngân sách trong nước					
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ					
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	2.960		0,00%		Hết tháng 03 dự toán chưa được cấp
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	1.375	-	0,00%		Hết tháng 03 dự toán chưa được cấp
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	11.732	1.287	10,97%		
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	963	-	0,00%		
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo					
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	900	74,80	8,31%		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.350	142,90	10,59%		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
II	Nguồn vốn viện trợ					
III	Nguồn vay nợ nước ngoài					

Ngày 11 tháng 05 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)